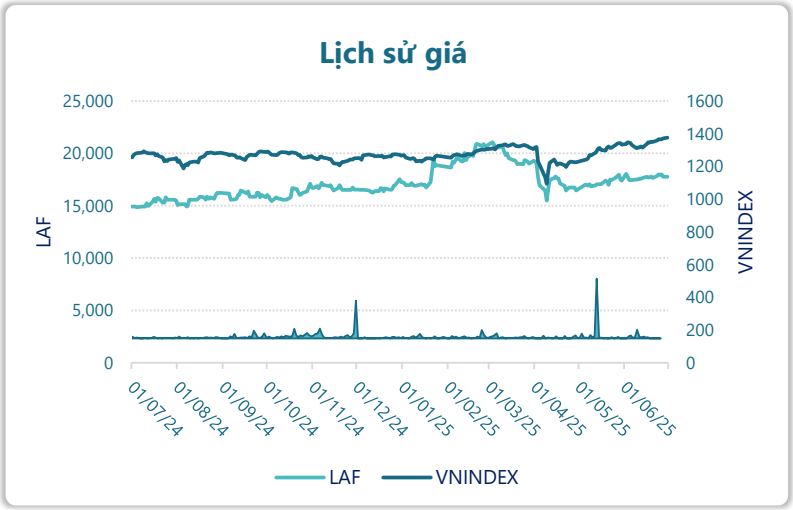
FireAnt

CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (HSX: LAF)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,750**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,870
SL cổ phiếu LH	15,228,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,085
% sở hữu nước ngoài	2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	270
P/E	5.9
EPS	2,997

DT thuần

Q2/25

135

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.2| 77.5%

YoY: ▲ 22.0| 19.1%

LN sau thuế

Q2/25

12.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.56| 223%

YoY: ▲ 2.30| 22.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

13.5%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

6T 2025

210

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.00| -0.3%

LN sau thuế

6T 2025

16.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.60| 4.4%

ROE

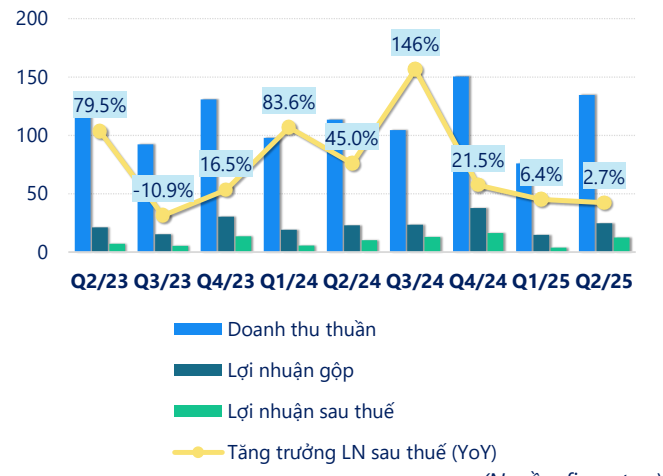
Q2/25

20.4%

+/- YoY: ▲ 3.9%

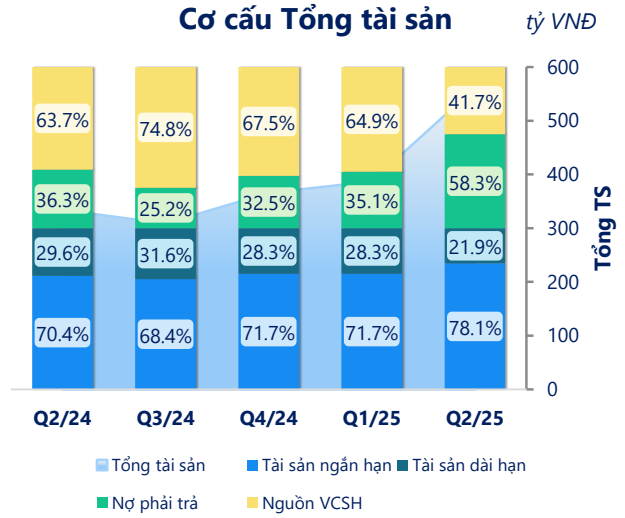
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



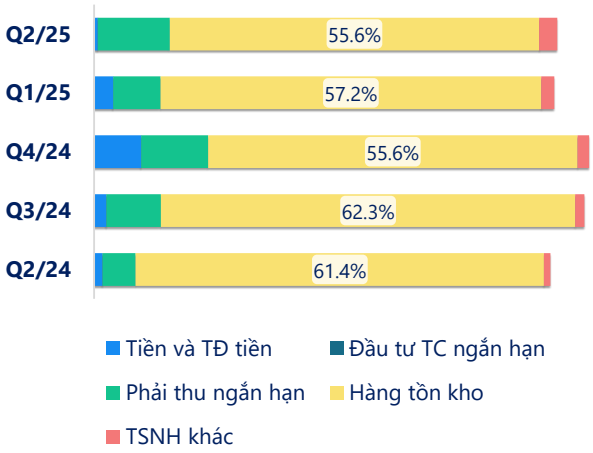
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



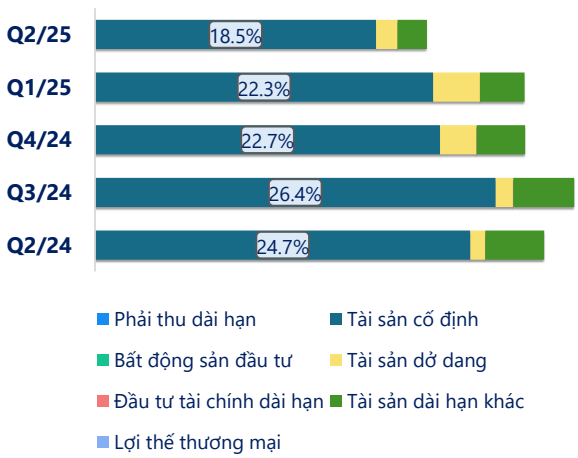
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



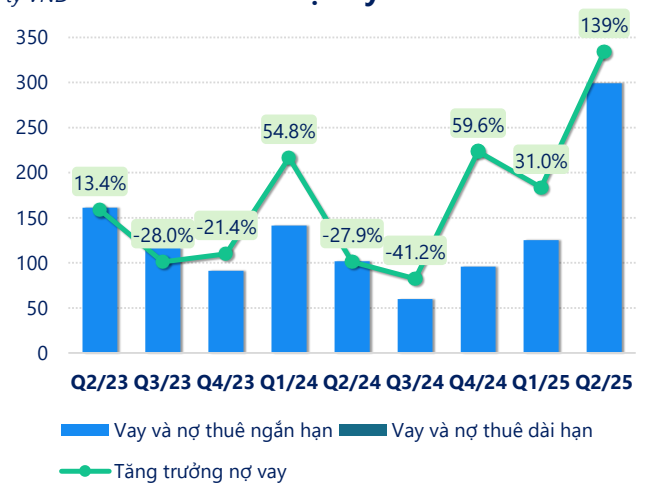
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



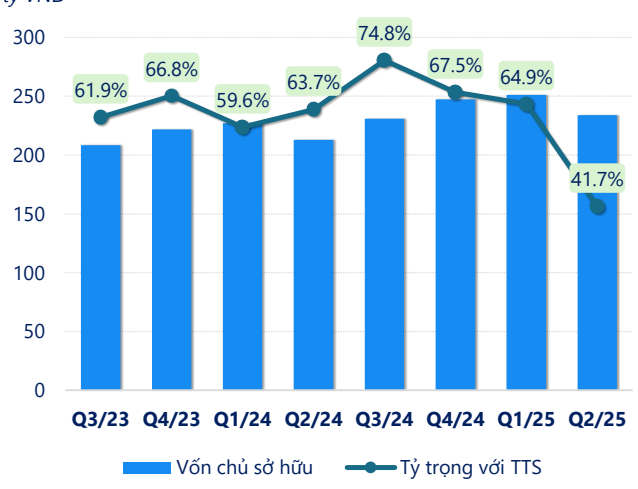
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



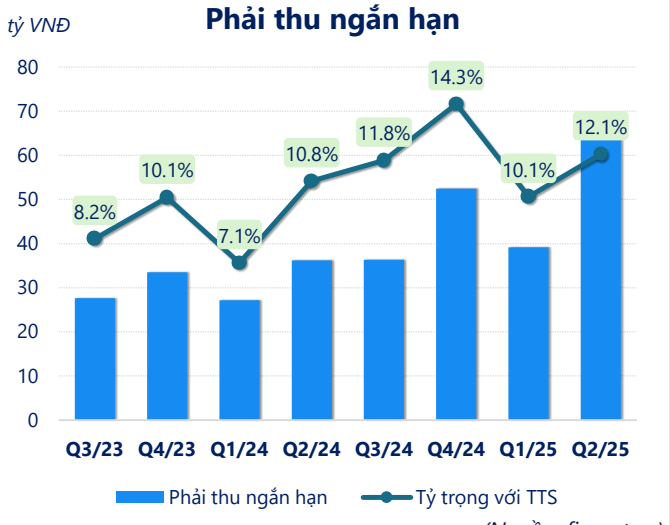
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



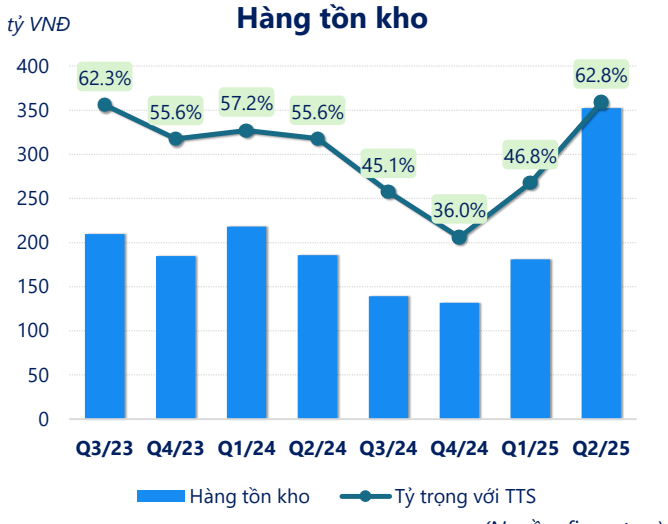
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



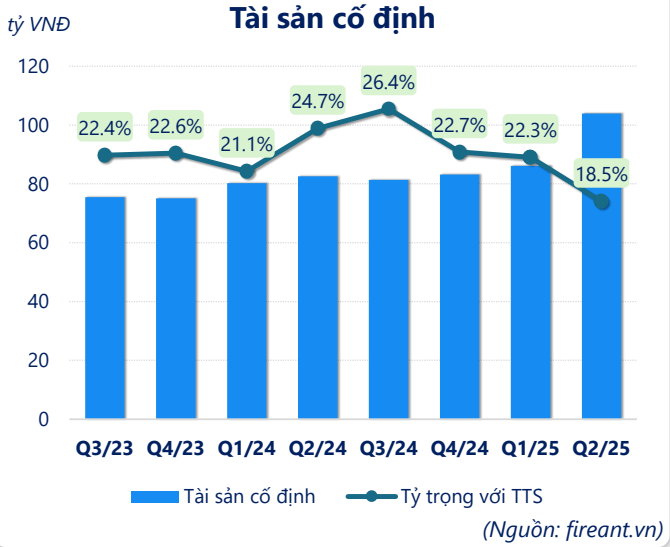
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



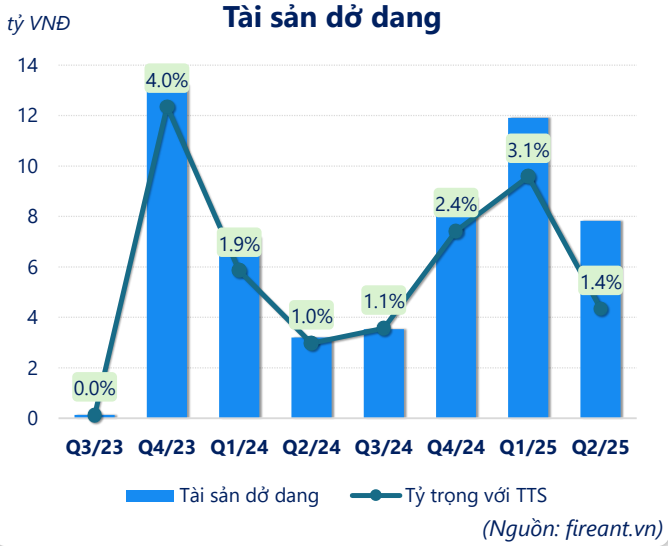
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



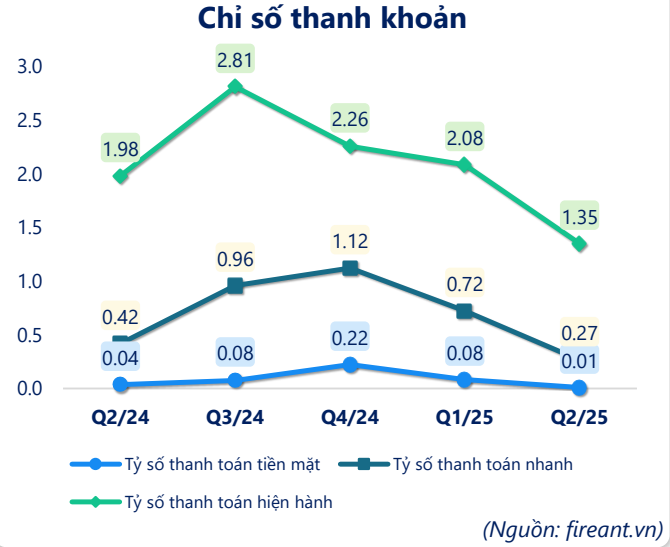
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



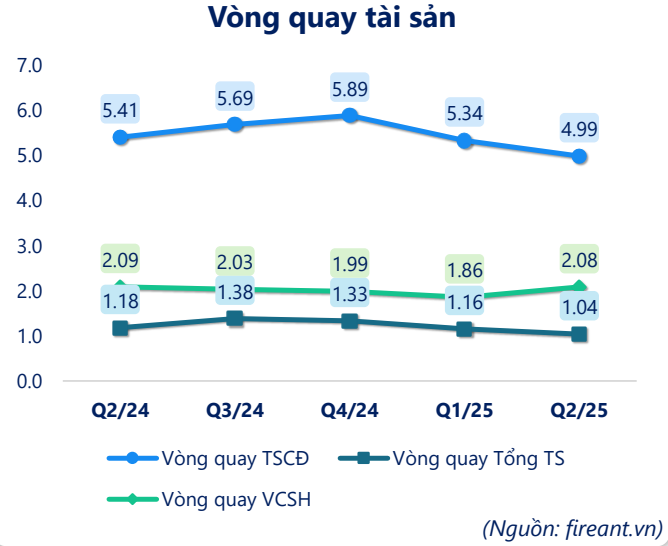
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**334**	**309**	**366**	**387**	**561**
Tài sản ngắn hạn	**235**	**211**	**262**	**277**	**438**
Tiền và tương đương tiền	4.31	5.72	25.9	11.2	3.04
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	20.3	40.3	39.0	6.00
Phải thu ngắn hạn	36.2	36.3	52.4	39.2	67.7
Hàng tồn kho	186	139	132	181	352
Tài sản ngắn hạn khác	9.07	9.74	11.8	7.00	9.41
Tài sản dài hạn	**98.8**	**97.4**	**104**	**109**	**123**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	82.6	81.4	83.2	86.1	104
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.20	3.53	8.74	11.9	7.83
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.06	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.9	12.4	11.7	11.3	11.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**121**	**77.8**	**119**	**136**	**327**
Nợ ngắn hạn	**119**	**75.2**	**116**	**133**	**325**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	102	59.9	95.6	125	299
Phải trả người bán ngắn hạn	5.59	1.73	4.69	2.91	13.7
Nợ dài hạn	2.56	2.61	2.51	2.57	2.57
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**213**	**231**	**247**	**251**	**234**
Vốn chủ sở hữu	**213**	**231**	**247**	**251**	**234**
Vốn điều lệ	147	152	152	152	152
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)